

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU ĐỜI SỐNG THẨM MỸ CỦA NGƯỜI VIỆT THỜI KỲ HÙNG VƯƠNG QUA TRUYỆN KỂ DÂN GIAN

Lê Thị Thùy¹

¹ Thạc sĩ, Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Hùng Vương.

Email: thuyellct.hvu.@gmail.com

Nhận ngày 15 tháng 9 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 10 năm 2017.

Tóm tắt: Thời kỳ Hùng Vương là thời kỳ dựng nước đầu tiên của dân tộc. Đời sống của người Việt lúc này mang những sắc thái riêng biệt, độc đáo cả về vật chất lẫn tinh thần. Đan hòa trong chính những giá trị vật chất và tinh thần ấy là những biểu hiện vô cùng phong phú, tinh tế của đời sống thẩm mỹ. Bài viết chỉ ra một số biểu hiện trong đời sống thẩm mỹ của người Việt thời kỳ Hùng Vương thông qua kho tàng di sản quý giá, đó là truyện kể dân gian mà chủ yếu là thần thoại và truyền thuyết. Trên cơ sở ấy, góp phần khẳng định sâu sắc hơn giá trị và tự hào Việt Nam, trong đó có các giá trị thẩm mỹ dân tộc.

Từ khóa: Đời sống thẩm mỹ, thời kỳ Hùng Vương, truyện kể dân gian .

Ngay từ thời tiền sử, sơ sử, đời sống thẩm mỹ của người Việt đã được hình thành và có những biểu hiện hết sức phong phú. Người Việt sớm đạt tới trình độ tư duy thẩm mỹ với những sắc thái đặc trưng. Vấn đề của chúng ta hôm nay là làm sao để những giá trị thẩm mỹ ấy luôn “sống” trong xã hội hiện đại, góp phần định hướng, giáo dục mọi thế hệ người Việt Nam ý thức về tổ tiên, giống nòi, về đặc trưng thẩm mỹ của dân tộc mình.

Thời kỳ Hùng Vương là “một thời đại lịch sử xa xăm của dân tộc nhưng lại là một thời đại mở đầu lịch sử dân tộc được tất cả mọi người chú ý theo dõi” [2, tr.7]. Thần thoại và truyền thuyết là thể loại truyện kể dân gian chủ yếu của thời Hùng Vương còn truyền lưu được tới ngày nay. Chắc hẳn ở thời kỳ ấy, cốt cách những truyện kể dân

gian không giống như những hình thái bảo lưu ở thời sau và dù giữa truyền thuyết lịch sử với thần thoại tự nhiên (văn hóa) luôn có sự đan xen lẫn nhau, nhưng chúng ta hoàn toàn có thể nhận ra một đời sống thẩm mỹ sinh động bắt nguồn từ những diễn biến chân thực của lịch sử, cộng thêm những phần hư cấu nhất định từ những truyện kể ấy. Ta bắt gặp qua thần thoại, truyền thuyết không chỉ sự xuất hiện của cái đẹp mà còn có cả cái xấu, cái hùng, cái bi. Tất cả đan hòa vào nhau để tạo nên sự cảm nhận cho con người về những khía cạnh, những chân trời xúc cảm khác nhau của cuộc sống.

Nền tảng thực tế để người đương thời xây dựng nên thần thoại, truyền thuyết chính là nhu cầu giải thích, chinh phục tự nhiên; nhu cầu liên kết các miền đất đai và cộng đồng người (bộ tộc và bộ lạc) thành

một lãnh thổ và cộng đồng người rộng lớn, đông đúc, ổn định và chặt chẽ hơn; xuất hiện những cuộc đụng độ bên, sự chung đụng giữa các miền đất đai và cộng đồng người, trong quá trình liên kết, thống nhất, rồi những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm v.v.. Đó cũng chính là cơ sở thực tiễn cho sự biểu hiện đời sống thẩm mỹ thông qua thần thoại, truyền thuyết thời kỳ này.

Có thể nói, đời sống thẩm mỹ người Việt thời kỳ Hùng Vương biểu hiện phong phú và đậm nét qua thần thoại và truyền thuyết.

Thứ nhất, cái đẹp và cái hùng:

Đến với thần thoại, truyền thuyết thời Hùng Vương, ta thấy sự hiện diện của cái đẹp trong tự nhiên và cái đẹp ở con người. Cái đẹp của tự nhiên trước tiên hiện lên ở sự hùng vĩ nhưng thật gần gũi. Vua Hùng chọn nơi “trước mặt có ba sông tụ hội, hai bên có Tản Viên, Tam Đảo châu về, đồi núi gần xa, khe ngòi quanh quất, thế đất bày ra như hình hổ phục rồng châu, tướng quân bắn nỏ, ngựa chạy phượng bay. Giữa những quả đồi xanh tốt thấy có ngọn núi đột ngột nổi lên như con voi mẹ nằm giữa đàn con. Vua lên núi nhìn ra bốn phía thấy ba bề bãi rộng bồi đắp phù sa, bốn mặt cây xanh hoa tươi có ngọt, vừa trùng điệp vừa quanh co, có rộng mà phẳng, có hẹp mà sâu. Vua cả mừng khen rằng đây thực là đất hợp muôn dân, đủ hiểm để giữ, có thể để mở, thế đất vững bền, có thể dựng nước được muôn đời” [3, tr.21-22] để làm thành đóng đô. Về đẹp của sự trù phú, giàu có mà thiên nhiên ban tặng chính là nơi vô cùng thuận lợi cho cuộc sống con người. Đất đai màu mỡ, thức ăn no đủ, sản vật phong phú, nguồn nước sạch trong, v.v. là tất cả những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất mà con người có được từ giới tự nhiên. Thiên nhiên đẹp trong sự hòa

quyện, tốt tươi để phục vụ cho sự sống ở cõi đất trời này.

Cái đẹp thời kỳ Hùng Vương còn nằm ở con người - một báu vật của thiên nhiên. Hình ảnh và vai trò của con người ngày càng rõ nét hơn trong vũ trụ bao la rộng lớn này. Những vấn đề đặt ra đối với tự nhiên cũng thiết thực cho đời sống con người, mang những dấu ấn của một sắc thái trí tuệ và tình cảm độc đáo. Đó trước hết là sự khẳng định nguồn cội, sự tự hào về dòng giống Tiên - Rồng. Truyện *Lạc Long Quân và Âu Cơ* cho ta thêm tự hào về hình ảnh một người cha mạnh mẽ, khỏe khoắn, mang trên mình dòng máu “giống Rồng”; một người mẹ xinh đẹp, tần tảo, khéo léo, biết trồng lúa, trồng mía, trồng dâu, dệt vải, ép mật, đào giếng, làm bánh, v.v.. Lạc Long Quân là loài ở nước, giống rồng; Âu Cơ là dòng tiên, dù khác nhau nhưng đã kết duyên và sinh ra bọc trăm trứng nở thành một trăm người con trai. Cấu trúc thần thoại, về cội nguồn ở thể lưỡng hợp và xung khắc, từ Đục - Cái, Đất - Nước, Chim - Cá (cá sấu hoặc rắn nước) đã phát triển tới đỉnh cao là cặp người - thần là Âu Cơ và Lạc Long Quân. Hùng Vương được cho là con của cặp người - thần đó. Điều ấy thể hiện khát vọng về sự hòa hợp, về hình ảnh của vẻ đẹp sự giao thoa nhưng hết sức chuẩn mực, lý tưởng của người Việt cổ.

Cũng chính từ chủ đề tư tưởng là sự sinh sản đông đúc, những truyện kể về sự tích trăm con, được ghép với những hình tượng về một bọc trứng (Việt, Mường), một cục thịt (truyện cục thịt hóa thành các giống người của người Mèo), một quả bầu (truyện các giống người cùng từ trong một quả bầu chui ra của dân tộc Xá),... để mang thêm một chủ đề tư tưởng trong bước phát triển

mới: Đồng bào, đồng loại - chung một cội nguồn thống nhất. Đây là những truyện kể có tính chất tượng trưng thẩm mỹ.

Người Việt cổ còn cảm nhận thấy nét đẹp trong sự tròn trịa, hoàn thiện. Con số một trăm gợi cho ta những liên tưởng về điều đó... Nhưng cũng trong chính sự tròn trịa đó lại chứa đựng cả những yếu tố kém tròn trịa. Một trăm con voi thì 99 con quay đầu tỏ ý thuận phục vua, một con quay đi; chim phượng hoàng đào 100 chiếc hồ để chọn vùng đất gần sông Đà đóng đô theo lệnh vua ban, đào được 99 cái thì có tiếng phượng đực kêu ở nơi xa, phượng mẹ vỗ cánh bay theo tiếng gọi của chim đực, đàn con cũng bay theo, vua thấy không đủ 100 hồ nên cũng tìm chỗ khác đóng đô [3, tr.21], v.v.. Phải chăng người Việt cổ cũng nhận thức sâu sắc rằng trong cái tròn cũng có cái không tròn, trong một trăm thì cũng còn cái khác biệt? Điều đó ta nhận thấy nét biến chứng trong tư duy thẩm mỹ của người Việt thời kỳ này.

Mặt khác, với người Việt cổ, con người còn đẹp ở tâm hồn với những tính cách vô cùng đáng quý. Sự cần cù, hăng say lao động đã cho con người thời kỳ này một cuộc sống chủ động, tương đối đầy đủ về nguồn thức ăn. Từ Lạc Long Quân và Âu Cơ, người đưa con lên rừng, người dắt con xuống biển tìm đất lao động, dạy dân mọi nghề cho đến vua Hùng trồng kê, tra lúa, tổ chức *Thi nấu cơm*, làm bánh, tìm ra được *Khoai lang*, *Cây kiệu*, đi săn, *Tìm nước theo chim*, v.v. rồi tới *Tản Viên dạy dân làm ruộng nước*, Chử Đồng Tử và Tiên Dung buôn bán, mở chợ đổi chác với dân gian, Mai An Tiêm gây được giống dưa hấu quý ở ngoài đảo hoang, Lang Liêu làm bánh chưng bánh giầy, công chúa Út làm bánh ót,

v.v.. Tất cả đều yêu, quý trọng lao động và sự sáng tạo trong lao động. Vẻ đẹp từ sự cần mẫn đã tạo ra những giá trị vật chất nuôi sống và làm phong phú cho đời sống của con người.

Không chỉ có vậy, ta còn tìm thấy cư dân Việt cổ đẹp trong sự san sẻ, cùng nhau làm và hưởng thụ những thành quả lao động họ làm ra, cùng nhau giúp đỡ, giải quyết những vấn đề trong cuộc sống. Sau khi đi săn, vua Hùng "chia các con thú săn được cho dân mang về" [3, tr.39], "đàn bà có mang đều được chia hai phần" [3, tr.41]. Và dĩ nhiên, khi gặp khó khăn hay đứng trước kẻ thù họ cũng luôn sát cánh bên nhau và cả khi công chúa Ngọc Hoa "nhớ bố, nhớ mẹ và nhớ nơi nàng đã sống từ tám bé" mà không muốn trở lại với chồng là Sơn Tinh thì dân làng cũng ra giúp đỡ, "người thì múa nhày, người kể chuyện cười, các cô gái hát với trai làng" [3, tr.78] để Ngọc Hoa "ngươi lòng nhớ". Sự gắn bó mật thiết giữa mọi người làm cho xã hội thời Hùng Vương dù có sự phân tầng nhưng vẫn thật gần gũi, thân thiết.

Qua các câu chuyện thần thoại, truyền thuyết ta cũng thấy có một khía cạnh khác làm nên vẻ đẹp của con người. Đó là cái hùng, là vẻ đẹp của sức mạnh, của tài năng phi thường, của những anh hùng văn hóa. Những truyện kể có tính chất thực tiễn hơn, suy tôn những thủ lĩnh của cộng đồng và gán cho những nhân vật này, tiêu biểu cho sức mạnh thống nhất mới của lãnh thổ, của cộng đồng một sự đại diện về mặt nguồn gốc chung: Nhập những vua Hùng thực tế này với tổ tiên thần thoại xưa. Con người đã được thần thánh hóa để thể hiện ước mơ, khát vọng chinh phục thiên nhiên, đồng thời ca ngợi vẻ đẹp của chính con người. Mọi

thế hệ người Việt Nam luôn yêu quý hình ảnh Thánh Gióng - tượng trưng cho tinh thần chống ngoại xâm và sức mạnh của tuổi trẻ, hình ảnh Sơn Tinh tượng trưng cho ước vọng chinh phục tự nhiên và chiến thắng thiên tai; Cao Sơn, Quý Minh, Cốt Tung đánh giặc; An Dương Vương toàn tài với nỏ thần bách phát bách trúng, v.v.. Và, ngay cả khi đã lập được công lớn với nước, với dân họ cũng không cầu chức tước. *Ba anh em lốt rắn* sau khi đánh giặc xong đều không nhận chức tước vua ban, xin về nhà nuôi mẹ già; Thánh Gióng đánh tan giặc Ân thì cả người lẫn ngựa cũng bay về trời, v.v.. Chính sức mạnh và sự cống hiến ấy đã tạo nên cái hùng bất biến của những con người đã được thần thánh hóa trong lòng mọi thế hệ mai sau.

Và cao hơn tất cả, ở thời kỳ Hùng Vương ta cũng thấy rõ những khía cạnh của tình yêu thông qua thần thoại, truyền thuyết. Tình người, tình yêu xóm làng, chiềng chạ với những sắc thái khác nhau dần dần đã nâng lên thành tình yêu đất nước, dân tộc. Trong lúc yên bình thì cùng nhau lao động sản xuất và hưởng thụ thành quả lao động làm ra, khi gặp khó khăn thì cùng vượt qua, khi lũ giặc ngoại xâm đến thì cùng nhau chiến đấu đánh đuổi quân thù. Tình cảm ấy đã khơi nguồn ngọn lửa yêu nước, tinh thần dân tộc cho người Việt Nam trong những giai đoạn về sau.

Tình yêu với miền đất trù phú, với những con người đáng yêu, đáng quý, với đất nước không tách rời một thứ tình cảm bản năng nhưng đầy lý trí của con người - đó là tình yêu nam nữ. Trong các câu chuyện thần thoại, truyền thuyết thời kỳ này ta bắt gặp đâu đó không chỉ một lần khúc hát tình yêu đôi lứa được vang lên. Làm sao

có thể quên được vẻ đẹp, sự đồng thuận đồng lòng trong tình yêu, hôn nhân của Lạc Long Quân và Âu Cơ, của Chử Đồng Tử và Tiên Dung; tình yêu thủy chung, sáng như ngọc của Trương Chi dành cho My Nương; tình yêu mù quáng, khờ dại của nàng My Châu dành cho Trọng Thủy, v.v.. Mỗi một nhân vật lại có những cung bậc xúc cảm khác nhau nhưng dù ở các gam màu sáng tối, đậm nhạt như thế nào thì tình yêu nam nữ cũng đã làm nên những điểm nhấn hết sức tinh tế trong đời sống thẩm mỹ người Việt thời kỳ Hùng Vương.

Thứ hai, cái xấu:

Đến với thần thoại, truyền thuyết, ta không chỉ bắt gặp cái đẹp trong đời sống thẩm mỹ mà còn thấy cả cái đối lập với nó là cái xấu. Những biểu hiện của cái xấu đã dần xuất hiện trong đời sống thẩm mỹ thời kỳ này. Hình ảnh của *Con voi bắt nghia* “bước ra khỏi bầy, quay đuôi lại vua, đầu ngoảnh về phương khác” [3, tr.63]; hay Thủy Tinh mang mối hận tình ngàn đời mà tháng bảy hàng năm dâng nước đánh Sơn Tinh; Triệu Đà, Trọng Thủy với những mưu đồ tính toán xảo quyết để lừa My Châu với mục đích đánh bại An Dương Vương thôn tính nước Âu Lạc,... Dù bóng dáng của cái xấu không nhiều nhưng cũng đủ để phản ánh một mảng nhận thức trái ngược với cái đẹp, cái hùng trong đời sống thẩm mỹ thời Hùng Vương. Điều đó làm cho bức tranh đời sống của người Việt cổ thêm đa dạng, nhiều hình vẻ khác nhau.

Thứ ba, cái bi:

Đâu đó, cũng chính xuất phát từ cái đẹp, cái hùng khi không đạt được kết quả như mong muốn mà đã dẫn tới những khía cạnh thẩm mỹ phản ánh cái bi theo thuật ngữ hiện đại. Người Việt vẫn vương một nỗi buồn,

một sự tiếc thương khi nghe câu chuyện về ông Út Soi. Năm nọ trời hạn lớn, “Út Soi ra sức đào hết nơi này đến nơi khác, đào thành ao thành chuôm v.v.. Mồ hôi Út Soi chảy ra tằm tã, chảy mãi tràn ngập cả đất, chảy vào ao vào chuôm, chảy thành khe thành suối. Còn Út Soi thì tan hết cả người và biến thành bãi cát bên sông” [3, tr.42]. Ta cũng chẳng hề sướng vui trong chiến thắng khi mà người làm nên chiến thắng phải nhận cái chết. Cốt Tung sau khi làm quân giặc khiếp hãi không dám đuổi theo nữa, “tới gốc đa lớn đầu làng, Cốt Tung ngồi xuống nghỉ, cắm giáo bên mình rồi chết. Mồi đùn lên thành mộ” [3, tr.67]. Cái bi ra đời khi cái hùng gặp gian nan, người anh hùng phải chết nhưng chính trong cái bi lại chứa đựng một chữ “Hùng”, bởi đó là cái bi thanh thản, nhẹ nhàng, bi của cá nhân để hướng tới cái hùng, cái đẹp tươi sáng cho cả dân tộc.

Nhưng đối lập với cái bi - hùng ấy là biểu hiện một trạng thái bi khác, đó là bi kịch. Hơn mọi nỗi bi ai trong cõi đời này thì không một người Việt Nam nào lại quên những bi kịch đau đớn qua *Truyện An Dương Vương và Mỵ Châu - Trọng Thủy*. Câu chuyện lịch sử này đề cập đến bi kịch lớn, đó là bi kịch nước mất nhà tan và bi kịch của một tình yêu mù quáng.

Với An Dương Vương, bi kịch nhà tan, nước mất là do đâu? Vì sao một người tài trí như vậy lại có thể đánh mất cơ nghiệp lớn lao trong phút chốc? Nhà vua quá chủ quan khi trong tay có nỏ thần - một vũ khí lợi hại mà nhờ nó An Dương Vương đã đánh thắng quân giặc. Vì có nỏ thần mà vua chủ quan khinh địch, mất cảnh giác trước những mưu kế bẩn thỉu của bọn xâm lăng. Vua cũng rất chủ quan khi nhận lời cầu hôn của Triệu Đà.

Bi kịch nước mất, nhà tan ấy còn là do nhà vua không nắm vững nội bộ của mình, không hiểu hết tính cách của con gái yêu Mỵ Châu - một nàng công chúa hết sức thật thà, nhẹ dạ cả tin, không hề may mắn nghi ngờ chồng cho dù là một giây phút. Nàng thực sự yêu Trọng Thủy, vì quá tin tưởng vào Trọng Thủy mà nàng đã vô tình trao cho hắn bí mật quốc gia. Nỗi đau ấy thật quá lớn, gợi nhớ cho chúng ta bi kịch “chết đứng” của Từ Hải mà Nguyễn Du đề cập tới trong *Truyện Kiều* cách thời đại Hùng Vương khoảng mấy nghìn năm sau. Dù ở thời đại nào, bi kịch mất nước, mất giang sơn cũng là bi kịch đớn đau, ân hận và giằng xé nhất.

Bên cạnh đó, người Việt cổ cũng vô cùng xót xa cho bi kịch tình yêu của nàng công chúa phương Nam. Mỵ Châu có tất cả phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt truyền thống, nhưng vì nhẹ dạ cả tin nên đã vô tình hại cha, hại dân, hại nước và hại cả chính bản thân mình. Trước sau nàng chỉ nghĩ đến Trọng Thủy và hạnh phúc của nàng. Mỵ Châu một lòng tin tưởng và yêu thương chồng chân thành, tha thiết. Ấy thế mà Trọng Thủy mưu mô, tham vọng, bội bạc, lầy nàng chỉ vì mục đích lợi dụng để xâm lược Âu Lạc. Và chính cái dẫu lòng ngổng của nàng đã đẩy hai cha con vào bước đường cùng. Kết cục nàng nhận được từ tình yêu thủy chung, son sắt là một cái chết đau đớn tột cùng, chết chứa bao căm hận, tủi cực cùng bao điều thức tỉnh muộn màng từ cả nàng và cha nàng. Thật khó khăn và đau xót cho vua An Dương Vương vì nhất kiếm chém con ấy là ranh giới giữa tình yêu nước mãnh liệt và tình yêu con tha thiết. Nhưng tất cả đều đã muộn. Cảnh “quốc phá gia vong”, cơ nghiệp lớn lao

phút chốc chỉ còn mây khói đâu chi do sự mê muội của My Châu mà còn do sự chủ quan khinh địch, mất cảnh giác của chính nhà vua nữa. Nỗi buồn lớn lao nhất, bi kịch sâu sắc nhất, ấy là bi kịch của cá nhân, của gia đình đã đưa cả một dân tộc vào những năm tháng nô lệ trăm uất, đốn đau, gây nên bi kịch cho cả một dân tộc, cho biết bao nhiêu con người. Nỗi đau ấy, bi kịch ấy còn âm vang mãi tới ngày nay.

Bi kịch nước mất nhà tan và bi kịch tình yêu mù quáng qua câu truyện truyền thuyết này cho chúng ta bài học vô cùng sâu sắc trong việc giải quyết mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, giữa cá nhân với cộng đồng, giữa việc nước và việc nhà. Tất cả phải hài hòa và phải biết hy sinh cái riêng, cái nhỏ bé vì cái chung, cái lớn lao của cả dân tộc. Người Việt cổ đã cảm nhận rất sâu đậm về bi kịch đau thương ấy. Điều này đã làm cho đời sống thẩm mỹ của họ càng thêm tinh tế với nhiều góc độ cảm nhận đa chiều về sự vận động của cuộc sống.

Thần thoại, truyền thuyết thời kỳ này từ chỗ giải thích các hiện tượng theo quan niệm nguyên thủy (*Thần thoại suy nguyên*) đến việc phản ánh sự sáng tạo, thành tựu khai phá của con người. Những thần thoại và truyền thuyết pha màu sắc thần thoại mang những chủ đề và nội dung như thế được kể trong các làng ở thời Hùng Vương, có thể có nhiều truyện đã đạt đến mức hoàn chỉnh, với quy mô lớn, với lời kể (hình thức) có vần điệu và nhạc tính. Nhiều truyện như thế, có thể có những hình thức kể đặc biệt: Kể trong ngày hội, ngày lễ, kể với động tác, âm nhạc và diễn trò. Tất cả đều tan hòa vào nhau cùng góp phần tạo nên một đời sống thẩm mỹ đầy dư vị khó quên.

Những truyện kể thời kỳ này đánh dấu một trình độ phát triển về sinh hoạt và đời sống thẩm mỹ buổi đương thời. Ở đó, phản ánh rõ nhận thức thẩm mỹ, tâm lý, ý thức con người và xã hội. Khi sáng tạo và truyền bá những truyện kể ấy, người thời Hùng Vương không chỉ làm văn nghệ. Việc sử dụng hình thức văn nghệ, cũng như tính chất thần thoại của các truyện kể là tất nhiên trong hoàn cảnh và trình độ đương thời. Văn nghệ, thần thoại là nhằm vào mục đích lịch sử, giúp ghi nhớ và biểu dương những kỳ tích và anh hùng lịch sử - lịch sử đấu tranh thiên nhiên và đấu tranh xã hội đương thời, biểu hiện các khía cạnh thẩm mỹ mà họ nhận thức được. Qua đó, thấy được tư tưởng trọng lịch sử của người đương thời, với những vấn đề của nó: Hợp quần gắn bó, yêu thương và tự hào dân tộc, anh hùng, dũng cảm đấu tranh, cần cù, sáng tạo lao động, v.v.. Và đến lượt nó, những điều này cho thấy một trạng thái tinh thần xứng đáng với trình độ phát triển và vai trò của người Việt thời Hùng Vương. Đó là sự nảy nở từ rất sớm một điều vô cùng quý giá, sẽ được kế thừa và phát huy ở các thời đại sau và có những tác dụng hết sức to lớn, đó là ý thức dân tộc, đó là ý thức thẩm mỹ và sức mạnh của nó.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Huyền (chủ biên) (2004), *Giáo trình Mỹ học đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Văn Tân - Nguyễn Linh - Lê Văn Lan - Nguyễn Đồng Chi - Hoàng Hưng (2007), *Thời đại Hùng Vương văn hóa - kinh tế - chính trị - xã hội*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Khắc Xương (sưu tầm) (2008), *Truyền thuyết Hùng Vương*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hội Văn học nghệ thuật Phú Thọ, Hà Nội.